

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 01-3-2019
V/v tranh chấp “hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mút

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1979, Có mặt.

Địa chỉ: 80/2 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962, Có mặt.

Địa chỉ: 169/1 ấp HB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phan Văn Q, sinh năm 1976, Có mặt.

Địa chỉ: 185/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1960, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 169/1 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn K tham gia chơi hui ở hai dây hui do chị làm chủ hui, cụ thể là:

Dây hui thứ nhất: hui 3.000.000 đồng, hui có lãi, gồm 28 phần, ông K tham gia một phần, hui khai ngày 15/3/2017 (âm lịch), mãn ngày 15/6/2019 (âm lịch). Ngày 15/7/2017 (âm lịch) ông K hót hui, chị giao tiền hui vào ngày 25/7/2017 (âm lịch),

sau khi hốt hụi ông K không đóng hụi chết, dây hụi này chị đã úp hụi, còn lại 24 lần đóng hụi chết nên ông K còn nợ chị số tiền 72.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: hụi 1.000.000 đồng, gồm 26 phần, ông K tham gia một phần, hụi khai ngày 30/11/2016 (âm lịch), mãn ngày 10/12/2018 (âm lịch). Ông K đã hốt hụi và chị đã giao hụi, đến ngày 10/8/2017 (âm lịch) ông K không đóng hụi chết, dây hụi này đã mãn, còn lại 17 lần đóng hụi chết nên số tiền ông K còn nợ tiền chị là 17.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông K còn nợ chị là 89.000.000 đồng, sau đó ông K có trả được số tiền 1.500.000 đồng nên còn nợ chị số tiền 87.500.000 đồng đến nay không trả tiền hụi cho chị.

Chị tham gia chơi hụi là để tạo thu nhập cho gia đình, chồng chị Phan Văn Q cũng biết việc chị chơi hụi và có chung yêu cầu với chị.

Do quá trình chơi hụi ông K là người tham gia chơi hụi nhưng ông K chơi hụi là để lấy vốn làm ăn tạo thu nhập cho gia đình, vợ ông K là bà Trần Thị D cũng đồng ý trả nợ với ông K nên chị yêu cầu ông K và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị và anh Q số tiền 87.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Nguyễn Văn K trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của chị H về việc ông tham gia chơi hai phần hụi ở hai dây hụi do chị H làm chủ hụi như chị H trình bày, thống nhất việc sau khi hốt hụi thì ông không đóng hụi chết cho chị H, thống nhất số tiền nợ hụi hiện nay còn nợ chị H là 87.500.000 đồng và đồng ý trả cho chị H số tiền 87.500.000 đồng. Do ông chơi hụi lấy vốn làm ăn nhưng việc làm ăn thua lỗ nên không có tiền đóng hụi chết cho chị H. Hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn vì vậy ông xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 87.500.000 đồng.

Khi ông chơi hụi vợ ông là bà Trần Thị D không biết nhưng sau khi ông không có khả năng đóng hụi chết ông có báo lại cho bà D, vợ ông cũng thống nhất với việc ông còn thiếu tiền chị H và đồng ý liên đới cùng ông trả số nợ 87.500.000 đồng cho chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh là Huỳnh Thị H là việc chị H chơi hụi nhằm tạo thu nhập cho gia đình, số tiền nợ hụi của ông K là tài sản chung của hai vợ chồng anh nên yêu cầu ông K và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh số tiền 87.500.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị D trình bày:

Khi ông K chơi hụi với chị H bà không biết nhưng khi ông K không có khả năng đóng hụi chết có nói lại cho bà biết. Ông K chơi hụi để lấy vốn làm ăn, buôn bán tạo thu nhập cho gia đình nên bà đồng ý liên đới cùng ông K trả cho chị H số tiền nợ hụi là 87.500.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Vì bà bận công việc nên xin

được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và ông K thống nhất về số dây hui và số tiền nợ hui ông K còn nợ chị H là 87.500.000 đồng. Chị H yêu cầu ông K và bà D có trách nhiệm liên đới trả cho chị H và anh Q số tiền 87.500.000 đồng. Ông K và bà D xác nhận số tiền nợ hui là khoản nợ chung của hai vợ chồng và cùng đồng ý liên đới trả cho chị H và anh Q nên yêu cầu của chị H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông K và bà D có trách nhiệm liên đới trả cho chị H và anh Q số tiền 87.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Huỳnh Thị H yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn K trả tiền nợ hui nên đây là “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Văn K cư trú tại số nhà 169/1 ấp TB, xã TH, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: chị H và ông K thống nhất thời gian chơi hui có dây hui năm 2016, có dây hui năm 2017 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005, Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị H và bị đơn Nguyễn Văn K thống nhất được ông K có tham gia chơi hai phần hui ở hai dây hui do chị H làm chủ hui, hợp đồng góp hui giữa chị H và ông K được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chị H và ông K thống nhất về số dây hui và số tiền nợ hui ông K còn nợ chị H là 87.500.000 đồng nên có yêu cầu ông K và bà D có trách nhiệm liên đới trả cho chị H

và anh Q số tiền 87.500.000 đồng. Ông K và bà D xác nhận số tiền nợ hui là khoản nợ chung của hai vợ chồng và cùng đồng ý liên đới trả cho chị H và anh Q. Vì vậy, chị H và anh Q yêu cầu ông K và bà D liên đới trả số tiền nợ hui 87.500.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, anh Q buộc ông K và bà D có trách nhiệm liên đới trả cho chị H và anh Q số tiền 87.500.000 đồng.

[6] Ông K và bà D đề nghị được trả dần theo phương thức mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ hui vì hoàn cảnh của ông K và bà D khó khăn. Xét thấy, ông K là người tham gia chơi hui đã hốt hui phải có nghĩa vụ đóng hui chết nhưng sau khi hốt hui ông K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H và yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của ông K, bà D cũng không được chị H đồng ý, hiện nay có dây hui khai ngày 30/11/2016 (âm lịch) đã mãn hui, còn dây hui khai ngày 15/3/2017 (âm lịch), tuy chưa mãn hui nhưng chị H đã úp hui, ông K và bà D đã vi phạm nghĩa vụ đóng hui và tại tòa tự nguyện thống nhất số tiền nợ hui phải trả cho chị H cả hai dây hui là 87.500.000 đồng nên buộc ông K và bà D phải trả một lần hết số tiền 87.500.000 đồng.

[7] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị H và anh Phan Văn Q số tiền 87.500.000 (tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới nộp 4.375.000 (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Chị Huỳnh Thị H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.500 đồng theo biên lai thu số 0021509 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh